TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/DS-PT
Ngày: 30-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Võ Đình Phương

Bà Lê Thúy Phượng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2021/TLPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng gia công*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐ-PT ngày 13/3/2022, Thông báo ngày xét xử số 273/TA-DS ngày 16/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2022/QĐ-PT ngày 12/9/2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc L

Địa chỉ: huyện S, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn T (chết ngày 06/3/2022)

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T gồm:

1. Bà Phan Thị Phương A – sinh năm 1995. Vắng mặt.

2. Ông Phan Thái N – sinh năm 1997.Vắng mặt.

Địa chỉ: huyện S, tỉnh Khánh Hòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Thái Thị V; địa chỉ: huyện S, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 02/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc L trình bày:

Ngày 17/7/2020, ông Nguyễn Quốc L (gọi tắt Bên B) có thỏa thuận ký hợp đồng thi công xây dựng nhà ở với ông Phan Văn T (gọi tắt Bên A), địa chỉ: huyện S. Bên A khoán gọn tiền công cho Bên B như sau: Nhà mái thái: 1.300.000đ/m^2 (không bao gồm lợp mái); diện tích xây dựng được tính nước giọt thực tế sau khi hoàn thành công trình, tính theo m^2, bao gồm xây, tô và lát gạch nền. Phát sinh sẽ được hai bên thỏa thuận riêng ngoài hợp đồng:

Nhà vệ sinh: Đơn giá 15.000.000đ (bao gồm xây tô, lát gạch nền, ốp tường đổ sàn); Lát gạch đâm - ri tường: Đơn giá: 80.000đ/m^2; Lát gạch mặt tiền nhà: Đơn giá: 100.000đ/m^2.

Bên B đã hoàn thành xây dựng nhà ở cho bên A vào ngày 01/10/2020 với khối lượng và thành tiền như sau:

Nhà chính: Diện tích 78,26m^2; máng thu nước phải đoạn 1 trước L: Diện tích 3,70 m^2, máng thu nước phải đoạn 2: Diện tích 0,81m^2, máng trái là: 1,93m^2, máng thu nước mặt tiền trái đoạn 1: Diện tích 1,85 m^2, máng thu nước mặt tiền trái đoạn 2: Diện tích 1,12m^2.

Tổng cộng diện tích: (87,67m^2 x 1.300.000đ/m^2) = 113.971.000đ

Lát gạch hoàn thiện: (105m^2 x 80.000đ/m^2)= 8.400.000đ

Lát gạch trang trí mặt tiền: (40,36 m^2 x 100.000đ) = 4.036.000đ

Nhà vệ sinh: 15.000.000đ.

Trong quá trình thi công, ông Nguyễn Quốc L mua giúp ông T một số vật liệu như sau: Đai sắt: 1.000.000đ, bi hầm cầu: 3.000.000đ.

Tổng cộng: 145.407.000đ.

Ông T đã thanh toán cho ông L 113.120.000đ, số tiền ông T còn phải thanh toán là 32.287.000đ. Nhưng đến nay, ông T chưa thanh toán đủ số tiền theo hợp đồng. Vì vậy, ông Nguyễn Quốc L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Văn T phải trả cho ông L tiền công xây dựng nhà ở là 32.287.000đ theo hợp đồng thi công xây dựng nhà ở ngày 17/7/2020.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Quốc L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.304.000đ mà ông T yêu cầu ông L phải trừ tiền công đối với bức tường mà ông L chưa tô; ông L chỉ yêu cầu ông T trả 29.983.000đ.

Tại Bản tự khai ngày 19/01/2021, Biên bản ghi lời khai ngày 05/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Văn T trình bày:

Vào khoảng tháng 7/2020, ông Phan Văn T với ông Nguyễn Quốc L có thỏa thuận miệng hợp đồng xây dựng nhà ở. Hai bên thỏa thuận giá xây dựng

tính theo m^2, kiểu nhà mái thái với số tiền là 1.300.000đ/m^2, còn phát sinh thêm thì hai bên sẽ thỏa thuận sau. Ông T xác định khối lượng xây dựng và thành tiền như sau:

Diện tích nhà: (78,26m^2 x 1300.000đ/m^2 = 101.738.000đ;

Lát gạch hoàn thiện: 105m^2 x 80.000đ/m^2 = 8.400.000đ;

Lát gạch trang trí mặt tiền: 40,36m^2 x 100.000đ = 4.036.000đ;

Nhà vệ sinh: 15.000.000đ. Mua một số vật liệu: Mua đai sắt: 1.000.000đ, mua bị hầm cầu: 3.000.000đ;

Tổng cộng: 133.174.000đ.

Ông Phan Văn T không đồng ý với yêu cầu của ông L về trả tiền công xây dựng nhà còn thiếu là 32.287.000đ theo hợp đồng thi công xây dựng nhà ở ngày 17/7/2020 vì các lý do như sau:

- Diện tích xây dựng nhà là 78,26m^2, nhưng ông L lại tính thêm máng nước thành 87,67m^2 (diện tích tính thêm máng nước là 9,41m^2); trước khi xây nhà, hai bên thỏa thuận miệng là xây nhà mái thái với giá 1.300.000đ/m^2 bao gồm máng nước, tính theo phủ bì móng; vào thời điểm xây nhà, nếu tính riêng máng nước thì tiền công chỉ là 1.000.000đ/m^2.

- Phần mái: Ông L yêu cầu ông T làm phần sắt còn phần lợp thì ông L phải lợp mái tôn, như vậy mỗi người phải chịu một nửa phần sắt và lợp mái thái. Ông T đã thuê ông Ngô Thanh S làm sắt và lợp mái và đã thanh toán đủ tiền công cho ông Sơn là 11.700.000đ nên ông L phải chịu ½ tiền công này là: 11.700.000đ : 2 = 5.850.000đ và tính trừ vào tiền công xây nhà.

- Ông L chưa hoàn thiện xong việc xây nhà, còn một bức tường chưa tô, sát với nhà cũ của ông T đang ở. Đến khoảng tháng 02/2021, ông T có thuê ông Võ Văn T tô bức tường trên (7,2m x 4m) = 28,8m^2 với giá tiền công: 28,8m^2 x 80.000đ/m^2 = 2.304.000đ và đã thanh toán đủ tiền công cho ông Thủy. Vì vậy, ông L phải trừ đi số tiền này vào tiền công xây nhà.

Tính đến nay, ông T đã thanh toán cho ông L 113.120.000đ. Như vậy, ông T chỉ còn phải thanh toán cho ông L: 133.174.000đ - (113.120.000đ + 5.850.000đ + 2.304.000đ) = 11.900.000đ.

Ông T khẳng định hai bên không ký hợp đồng bằng văn bản.

Tại bản tự khai ngày 14/9/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị V trình bày: bà V không biết việc ông Nguyễn Quốc L và ông Phan Văn T thỏa thuận xây nhà như thế nào.

Tại đơn xác nhận ngày 12/8/2021, người làm chứng ông Nguyễn Vỹ L trình bày: Vào chiều ngày 17/7/2020, ông Nguyễn Vỹ L cùng một số người thợ hồ làm công cho ông Nguyễn Quốc L (chủ thầu) có nhậu tại nhà ông T (chủ nhà). Trước khi nhậu, ông Nguyễn Vỹ L thấy ông Nguyễn Quốc L (chủ thầu)

đưa cho ông T hợp đồng xây dựng nhà. Ông T có đọc hợp đồng mà hai bên đã thống nhất rồi đưa cho vợ ông T là bà V cất giữ. Sau đó, ông T mời tất cả anh em thợ cùng nhậu.

Tại bản tự khai ngày 07/6/2021, người làm chứng ông Ngô Thanh S trình bày: Vào khoảng tháng 9/2020, ông Sơn có làm mái nhà thái cho ông Phan Văn T, với giá tiền công 11.700.000đ, ông T đã thanh toán đủ tiền cho anh S (có giấy xác nhận thanh toán tiền).

Tại bản tự khai ngày 07/6/2021, người làm chứng ông Võ Văn T trình bày: Vào khoảng tháng 02/2021, ông có làm công tô bức tường nhà cho ông Phan Văn T với tổng số tiền công là 2.304.000đ, ông T đã thanh toán đủ cho ông Thủy.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện S đã căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 542, Điều 546 và Điều 552 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn: Ông Phan Văn T phải trả cho ông Nguyễn Quốc L 11.900.000đ (Mười một triệu chín trăm nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc L đối với số tiền 18.083.000đ (Mười tám triệu không trăm tám mươi ba nghìn đồng).

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Nguyễn Quốc L về yêu cầu ông Phan Văn T phải trả số tiền 2.304.000đ (Hai triệu ba trăm linh bốn nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/10/2021, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc L có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với 18.083.000đ không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận gồm: (i) tiền công xây dựng máng nước là 9,41m^2 x 1.300.00đ/m^2 = 12.233.000đ và (ii) 5.850.000đ tiền công ông T làm mái bị trừ vào tiền công xây nhà; kháng cáo việc Tòa án cấp sơ thẩm không bổ sung bà Thái Thị V vào tham gia tố tụng với tư cách bi đơn theo đơn đề nghị của ông L.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc L giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người kháng cáo phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Văn T chết. Tòa án cấp phúc thẩm đã đưa những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông là bà Phan Thị Phương A và ông Phan Thái N là các con ông T vào tham gia tố tụng. Bà Thái Thị V có con chung với ông T, sống chung với ông T từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn với ông T nên không được xác định là vợ ông T và không phải là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T.

[2] Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa là bà Thái Thị V có yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Phan Thị Phương A và ông Phan Thái N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Về kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đơn đề nghị bổ sung người tham gia tố tụng đề ngày 24/8/2021 của ông Nguyễn Quốc L đề nghị bổ sung bà Thái Thị V vào tham gia tố tụng với tư cách bi đơn được ông L đưa ra sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 06/4/2021 nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông là đúng. Ngoài ra, bà Thái Thị V đã được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nên việc giải quyết vụ án vẫn được đảm bảo đúng qui định của pháp luật.

[4] Ông Nguyễn Quốc L cho rằng giá xây dựng được tính theo giọt nước và bên nhận thầu không phải làm mái được thể hiện tại Hợp đồng thi công xây dựng nhà ở giữa ông Nguyễn Quốc L với ông Phan Văn T đề ngày 17/7/2020 nên quyết định của bản án sơ thẩm đối với tiền công xây máng nước và làm mái không đúng nhưng không cung cấp được Hợp đồng này trong khi ông T không thừa nhận việc hai bên có ký hợp đồng với nội dung như trên. Các chủ thầu xây dựng trên địa bàn huyện S đều cung cấp thông tin: Giá xây dựng và cách tính khối lượng xây dựng nhà mái thái theo m^2 được đo phủ bì móng nhà, bao gồm đào móng, xây, tô, lợp mái, lát nền; trường hợp diện tích xây dựng được tính theo giọt nước thực tế thì trước khi nhận thầu, chủ thầu phải nói rõ cho chủ nhà biết, nếu chủ nhà đồng ý thì nhận thầu.

[5] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tính tiền công xây dựng cho ông Nguyễn Quốc L theo diện tích đo phủ bì móng nhà và cấn trừ ½ tiền công làm mái như đề nghị của ông Phan Văn T là đúng; kháng cáo của ông Nguyễn Quốc L không được chấp nhận.

[6] Do bị đơn ông Phan Văn T đã chết nên những người thừa kế của ông là bà Phan Thị Phương A và ông Phan Thái N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền xây dựng cho nguyên đơn ông Nguyễn Quốc L.

[7] Do kháng cáo của ông Nguyễn Quốc L không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng xây dựng và cần áp dụng pháp luật về xây dựng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp hợp đồng gia công là không đúng. Tuy nhiên, việc này không làm ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp cho đúng; Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 244, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 141 và Điều 144 Luật Xây dựng năm 2014; Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Nguyễn Quốc L về yêu cầu ông Phan Văn T phải thanh toán số tiền 2.304.000đ (Hai triệu ba trăm linh bốn nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Ông Phan Văn T phải thanh toán cho ông Nguyễn Quốc L 11.900.000đ (mười một triệu chín trăm nghìn đồng) tiền công xây dựng. Ông Phan Văn T đã chết nên những người thừa kế của ông là bà Phan Thị Phương A và ông Phan Thái N phải thay ông thực hiện nghĩa vụ trên.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc L đối với số tiền 18.083.000đ (mười tám triệu không trăm tám mươi ba nghìn đồng).

4. Án phí:

4.1. Ông Nguyễn Quốc L phải chịu 904.150đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 807.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm và 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000337 ngày 08/01/2021 và số AA/2019/0008117 ngày 22/10/2021 đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Như vậy, ông Nguyễn Quốc L còn phải nộp 97.150đ án phí.

4.2. Ông Phan Văn T phải chịu 595.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Phan Văn T đã chết nên những người thừa kế của ông là bà Phan Thị Phương A và ông Phan Thái N phải thay ông thực hiện nghĩa vụ nộp án phí.

Qui định chung:

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án và bản án có hiệu lực thi hành, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H. S;
- TAND H. S;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu hồ sơ, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hiền